

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
23/2004/NĐ-CP ngày 13/01/2004
về quy định niên hạn sử dụng
của ô tô tải và ô tô chở người.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số
32/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm
2001;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số
26/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm
2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại ô tô tải và ô tô chở người (sau đây gọi là ô tô) tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ các loại ô tô kinh doanh vận tải khách được quy định tại Nghị định số 92/2001/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân sử dụng ô tô tham gia giao thông trên đường bộ, trừ:

a) Ô tô của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

b) Ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái); ô tô vừa chở người vừa chở hàng (ô tô bán tải) loại nhỏ;

c) Ô tô chuyên dùng (ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt), rơ moóc.

3. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Niên hạn sử dụng của ô tô* là thời gian cho phép sử dụng của ô tô.

2. *Ô tô tải (ô tô chở hàng)* là ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chuyên chở hàng hóa.

3. *Ô tô chở người* là ô tô có kết cấu và trang bị dùng để chở người và hành lý mang theo.

Chương II

NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA Ô TÔ

Điều 4. Quy định về niên hạn sử dụng và thời điểm tính niên hạn sử dụng

1. Niên hạn sử dụng của xe ô tô:

a) Không quá 25 năm đối với ô tô tải.

b) Không quá 20 năm đối với ô tô chở người.

c) Không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng từ các loại xe khác thành ô tô chở người trước ngày 01 tháng 01 năm 2002.

2. Thời điểm tính niên hạn sử dụng:

a) Niên hạn sử dụng của xe ô tô được tính bắt đầu từ năm sản xuất ô tô.

b) Một số trường hợp đặc biệt khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép niên hạn sử dụng ô tô được tính bắt đầu từ năm đăng ký ô tô.

Điều 5. Lộ trình thực hiện

1. Sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, ngừng hoạt động đối với:

a) Ô tô tải có thời gian sử dụng trên 29 năm hoặc không đủ căn cứ xác định năm sản xuất;

b) Ô tô chở người (bao gồm cả ô tô chuyển

đổi công năng) có thời gian sử dụng trên 23 năm hoặc không đủ căn cứ xác định năm sản xuất.

2. Sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, ngừng hoạt động đối với:

a) Ô tô tải có thời gian sử dụng trên 27 năm;

b) Ô tô chở người (bao gồm cả ô tô chuyển đổi công năng) có thời gian sử dụng trên 22 năm.

3. Sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, áp dụng quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại ô tô nêu tại Điều 4.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng ô tô tham gia giao thông

1. Thực hiện niên hạn sử dụng được quy định tại Điều 4 và lộ trình thực hiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

2. Có kế hoạch đổi mới phương tiện.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm tổ

chức chỉ đạo hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm.

2. Việc tiến hành kiểm tra, thanh tra tổ chức, cá nhân sử dụng ô tô tham gia giao thông phải tuân theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Khiếu nại, tố cáo

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo lên cấp có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về việc cơ quan nhà nước, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 22 tháng 6 năm 2000;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,